TEntity: ID, CODE, NOTE, DESCRIPTION, CULTURE(NẾU CÓ), CREATEDDATE, UPDATEDDATE, CREATEDBY, UPDATEDBY, DISPLAYORDER, ISACTIVE, ISDELETED

// thông tin người dùng

* Khách hàng: First, LastName, NAME, Email, Phone
* Tỉnh: NAME, PostalCode, Country
* Quận: NAME, ProvinceId
* Xã: NAME, DistrictId
* Địa chỉ khách hàng: CustomerId, StreetAddress, WardId, IsDefault
* Nhân viên: Email, Phone, StreetAddress, WardId, IsAdmin
* Nhà cung cấp: Email, Phone, Address

// sản phẩm

* Danh mục loại sản phẩm: NAME, ParentId, Level
* Thương hiệu: NAME, Image
* Sản phẩm: NAME, StockQuantity, OldPrice, NewPrice, Ingredient(thành phần), uses(công dụng), hướng dẫn sử dụng
* Hình ảnh sản phẩm: ProductId, Image

// sản phẩm yêu thích

* FavouriteProduct: CustomerId, ProductId

// sự kiện

* Sự kiện: NAME, StartDate, EndDate, EventType, Image
* Loại giảm giá: NAME
* Giảm giá: NAME, CategoryId(null), BrandId(null), ProductId(null), DiscountType(%, $), DiscountValue, UsageLimit, UsedCount, EventId(null), StartDate, EndDate
* MyVoucher: CustomerId, VoucherId, IsUsed

// hệ thống

* Banner: NAME, Image, Level
* Phân quyền người dùng:

+ RoleCategory: NAME

+ Role: NAME, StaffId, CategoryRoleId, RoleView, RoleUpdate, RoleDelete

* Log:

+ SysAction: NAME

+ SysFunction: NAME

+ SysLog: Username, ActionId, FunctionId, IPAddress

// mua hàng và thanh toán

Nghiệp vụ: Mua và bán

* Mua hàng

khách hàng chọn sản phẩm muốn mua và thêm vào giỏ hàng, khách hàng có thể cập nhật giỏ hàng của mình, hủy bỏ sản phẩm không muốn mua ra khỏi giỏ hàng.

* Thanh toán

Sau khi khách hàng đã chọn hàng xong muốn thanh toán đơn hàng, chọn “thanh toán” và sẽ ra một trang thanh toán, trang thanh toán hiển thị các mặt hàng mà khách hàng muốn mua, trang tt hiện tổng tiền, cho khách hàng nhập mã giảm giá(nếu có), hoặc gợi ý các phiếu giảm giá mà khách hàng đã lưu trước đó phù hợp với đơn hàng; cho khách hàng chọn địa chỉ nhận hàng(nếu chưa có thì cho khách hàng thêm địa chỉ);…; khách hàng chọn phương thức thanh toán(COD và Thanh toán online). Sau khi thanh toán đơn hàng sẽ được chờ xác nhận từ phía cửa hàng(hệ thống gửi thông báo cho cửa hàng, gửi thông báo cho khách hàng đã xác nhận đặt hàng).

* Sau khi mua hàng

Khách hàng có thể theo dõi đơn hàng(được xác nhận hay chưa), có thể hủy đơn hàng(lý do hủy đơn). Khi mua hàng xong khách hàng có thể đánh giá sản phẩm (trên thang 5 sao).

* Sau khi nhận sản phẩm

Khách hàng có thể liên hệ cửa hàng để hỏi cách sử dụng, bảo quản, …. Thông qua nhắn tin với cửa hàng. Cửa hàng trả lời chăm sóc khách hàng

* Đơn vị vận chuyển: NAME, ContactInfo, Webiste
* Đơn mua: CustomerId, PaymentStatus, OrderStatus, ShippingStatus, DiscountId, CustomerAddress
* Chi tiết đơn mua: OrderId, ProductId, Quantity, Tax, DiscountId
* Hình thức thanh toán: NAME
* Thanh toán: OrderId, PaymentMethodId, PaymentAmount, PaymentStatus, TransactionId(mã giao dịch)
* Thông báo: NAME, ReceiverId, OrderId(null)
* Thông tin vận chuyển: OrderId, ShippingCompanyId, ShippingMethod, Cost, TrackingNumber, ShippingStatus, EstimatedDeliveryDate, ActualDeliveryDate
* Đánh giá: ProductId, UserId, Rating, Comment
* Message: CustomerId, MessageContent, MessageType(Incoming, Outgoing), IsRead

// nhập hàng và cập nhật số lượng tồn kho

Nghiệp vụ: Nhân viên lập đơn nhập hàng, sau khi nhập xong sẽ được gửi đến admin để xác nhận đơn hàng. Admin có nhiệm vụ kiểm tra và duyệt đơn hàng, nếu đơn hàng được xác nhận sẽ được cập nhật trực tiếp vào số lượng sản phẩm tồn kho ngược lại sẽ không được cập nhật

* Đơn nhập: SupplierId, Status
* Chi tiêt đơn nhập: PurchaseOrderId, ProductId, Quantity, UnitPrice, Tax